TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 13 /2022/HSST
Ngày 06/5/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Lục và ông Nguyễn Trường Sơn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên

Ngày 06/5/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam xét xử sở thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2021/TLST-HS ngày 08/10/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HS ngày 23/11/2021, đối với bị cáo:

Tăng Bá Q. sinh năm 1982. Tại xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Trú tại: thôn TC, xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 12, Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 01/01/2000, bị Công an huyện Duy Xuyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích".

Con ông Tăng Bá Hà (đã chết) và bà Lê Thị Liễu (sinh năm 1964), trú tại thôn TC, xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em, có vợ là Phạm Thị T (sinh năm 1989) trú tại thôn TC, xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam và 01 con nhỏ 15 tháng tuổi.

Bị cáo bị Công an tỉnh Quảng Nam bắt tạm giữ từ ngày 24/10/2020 đến ngày 03/11/2020 được thay thế bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Quốc Thịnh, sinh năm 1986; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1997; trú tại thôn Chiêm Sơn, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Văn Học, sinh năm 1990; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Hồng Hiền, sinh năm 1985; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Tá Phương, sinh năm 1989; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Đinh Quang Nam, sinh năm 1994; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Đoàn Thị Hòa, sinh năm 1985; trú tại thôn Trà Kiệu Tây, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Văn Viên, sinh năm 1979; trú tại thôn Hòa Lâm, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Văn Thức, sinh năm 1978; trú tại thôn Phú Nham Đông, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Huỳnh Sen, sinh năm 1977; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Quách Văn Quân, sinh năm 1989; trú tại thôn Kiệu Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Đức Duy, sinh năm 1991; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Trần Phương Bình, sinh năm 1987; trú tại thôn Chiêm Sơn, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Huỳnh Nam, sinh năm 1990; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Hồ Phước Quy, sinh năm 1992; trú tại thôn An Thành, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc An, sinh năm 1987; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Hồ Văn Linh, sinh năm 1985; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Phan Thị Mỹ Yến, sinh năm 1978; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Võ Cường, sinh năm 1986; trú tại thôn Phú Nham Đông, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1983; trú tại thôn Kiệu Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Văn Tin, sinh năm 1991; trú tại thôn Phú Nham, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Tá Quang, sinh năm 1993; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Đình Đức, sinh năm 1986; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Anh Vũ, sinh năm 1991; trú tại thôn Hòa Lâm, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Văn Cường, sinh năm 1987; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Minh Trung, sinh năm 1991; trú tại thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Hữu Nga, sinh năm 1980; trú tại thôn Phú Nham Tây, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Huỳnh Quang, sinh năm 1969; trú tại thôn Trà Kiệu Tây, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Thanh Vương, sinh năm 1993; trú tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Trần Tuấn Hoàng, sinh năm 1984; trú tại thôn Hòa Lâm, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1980; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Vương Thái Bình, sinh năm 1985; trú tại thôn Trà Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lương Thanh Ninh, sinh năm 1986; trú tại thôn Bến Đền, xã Điện Quang, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Phước Tiên, sinh năm 1998; trú tại thôn Phú Nham Tây, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Hữu Công, sinh năm 1991; trú tại thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Phạm Cảnh Anh Tuấn, sinh năm 1993; trú tại thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2018, Tăng Bá Q thấy việc cho vay lãi nặng sinh lời cao nên nảy sinh ý định cho vay tiền để kiếm thêm tiền tiêu xài. Lãi suất cho vay dao động từ 05%/tháng đến 20%/tháng tùy từng người vay. Với cách thức, khi muốn vay tiền, người vay trực tiếp đến gặp Q tại quán cà phê Q Việt tại thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên hoặc liên lạc qua số điện thoại 0905.257.621 hoặc số 0392.290.101 của Q, Q và người vay thỏa thuận số tiền, mức lãi suất, thời hạn trả lãi thường là 15 ngày hoặc 30 ngày và kỳ hạn vay (tùy người vay đề nghị vay 01-02 tháng, vay không kỳ hạn); việc trả lãi suất kết thúc khi người vay trả hết tiền gốc, trường hợp người vay chậm trả lãi thì bị phạt trả lãi chậm (theo thỏa thuận), hình thức giao tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khi đến hạn trả lãi thì Q nhắn tin nhắc nhở, người vay sẽ mang tiền lãi đến trả trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0651000758124 mang tên Tăng Bá Q. Q khai, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 24/10/2020, Q cho khoảng 70-80 người vay tiền với lãi suất vượt quá 20%/năm, người vay ít nhất khoảng 1.000.000 đồng, nhiều nhất 260.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian trên, Q đã liên tục có hành vi cho 36 (ba mươi sáu) người vay tiền với tổng số tiền là 593.800.000đ (năm trăm chín mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), mức lãi suất từ 10%/tháng đến 47,62%/tháng, tương đương với 120%/năm đến 571,44%/năm, gấp 06 lần đến 28 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (không vượt quá 20%/năm), tổng số tiền lãi Q đã thu của người vay là 540.800.000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng), tiền lãi thu đúng quy định là 46.819.669 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), thu lợi bất chính 498.680.331 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Cụ thể như sau:

1. Từ tháng 5/2020 đến tháng 9/2020, Tăng Bá Q cho Bùi Q Thịnh vay tổng số tiền là 390.000.000 đồng. Trong đó, lần thứ nhất Q cho Thịnh vay số tiền là

260.000.000 đồng, Q tính tiền lãi 14.000.000 đồng/tháng, tương ứng với lãi suất 5,38%/tháng, lần này mức lãi suất không vượt quá so với quy định.

Lần thứ hai: trong tháng 5/2020, Q cho ông Thịnh vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi với Thịnh là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, tương ứng mức lãi suất 12,5%/tháng, tương đương lãi suất 150%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Thịnh là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Như vậy, Q cho ông Thịnh vay với mức lãi suất gấp 7,5 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 21.666.667đ (hai mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ ba: vào tháng 8/2020, Q cho Bùi Q Thịnh vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi với Thịnh là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/15 ngày, tương ứng mức lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/ năm, Q đã nhận tiền lãi của ông Thịnh là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Q cho ông Thịnh vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 22.916.667đ (hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ tư: vào tháng 8/2020, Q cho ông Thịnh vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Q và Thịnh thỏa thuận tính tiền lãi 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, tương ứng với lãi suất 15%/tháng, tương đương 180%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Thịnh đối với khoản vay này là 9.000.000đ(chín triệu đồng). Q cho ông Thịnh vay với mức lãi suất gấp 09 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự và đã thu lợi bất chính số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Vào tháng 9/2020, Q cho ông Thịnh vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Q lấy tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/15 ngày tương ứng lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, tiền lãi Q đã nhận của ông Thịnh ở khoản vay này là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Q cho ông Thịnh vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, Q cho Thịnh vay tiền trong lần thứ 2 đến lần thứ 5, Q cho ông Thịnh vay với số tiền là 130.000.000 đồng, mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với 240%/năm, gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền **58.083.334đ** (năm mươi tám triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng). Ông Thịnh đã trả nợ gốc cho Q 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Vào ngày 17/10/2020, Q cho ông Nguyễn Văn Phúc vay số tiền 20.000.000 đồng, vay không kỳ hạn, Q thỏa thuận tính lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm. Tính đến 20/10/2020, số tiền lãi Q nhận của ông Phúc là 1.500.000 đồng. Như vậy, Q cho ông Phúc vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền **1.375.000 đồng** (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Phúc đã trả xong tiền gốc đã vay cho Q.

3. Vào khoảng tháng 3/2018, Q cho ông Nguyễn Văn Học vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm. Tính đến ngày 14/3/2019, Q nhận tiền lãi của ông Học là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) và ông Học trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền vay cho Q, Q tiếp tục tính tiền lãi đối với khoản vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) còn lại của ông Học là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/15 ngày tương đương lãi suất 20%/ tháng và 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Học là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tổng số tiền lãi Q nhận của ông Học là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Như vậy, Q cho ông Học vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất chính số tiền **29.333.333đ** (hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Học đã trả xong tiền vay cho Q.

4. Vào khoảng tháng 12/2018, Q cho ông Nguyễn Hồng Hiền vay 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thỏa thuận lấy tiền lãi là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)/tháng, tương ứng lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, thời hạn vay 01 tháng, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Hiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Q cho ông Hiền vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **275.000đ** (hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Một tháng sau, ông Hiền đã trả xong tiền vay 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho Q.

5. Vào khoảng tháng 02/2019, Q cho ông Nguyễn Tá Phương vay 5.000.000đ (năm triệu đồng), không kỳ hạn vay, thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Phương tính đến 24/10/2020 là 15.500.000đ (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Q cho ông Phương vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **14.208.333đ** (mười bốn triệu hai trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Phương đã trả đủ tiền vay cho Q 5.000.000đ (năm triệu đồng).

6. Vào tháng 02/2019, Q cho ông Đinh Quang Nam vay 1.000.000đ (một triệu đồng), không kỳ hạn vay, thỏa thuận tính tiền lãi là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/15 ngày, tương ứng với mức lãi suất 40%/tháng, tương đương lãi suất 480% năm, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Nam tính đến 24/10/2020 là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, Q cho ông Nam vay tiền với mức lãi suất gấp 24 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất chính số tiền **2.683.333đ** (hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Nam đã trả xong tiền vay 1.000.000đồng cho Q.

7. Vào ngày 04/02/2019, Q cho bà Đoàn Thị Hòa vay 9.000.000đ (chín triệu đồng), không kỳ hạn, thỏa thuận lấy tiền lãi là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng, tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tổng số tiền lãi Q nhận của bà Hòa là 35.400.000đ (ba mươi lăm

triệu bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, Q cho bà Hòa vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất chính số tiền **32.450.000đ** (ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Hòa đã trả xong tiền vay 9.000.000 đồng cho Q.

8.Vào tháng 3/2019, Q cho ông Nguyễn Văn Viên vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), không kỳ hạn, thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Viên từ tháng 03/2019 đến tháng 06/2020 là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Q cho ông Viên vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **29.333.333đ** (hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Viên đã trả xong tiền vay 10.000.000 đồng cho Q.

9. Vào tháng 3/2019, Q cho ông Nguyễn Văn Thức vay 5.000.000đ (năm triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 03/2019 đến tháng 06/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Thức là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Q cho ông Thức vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất số tiền **14.666.667đ** (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Thức đã trả xong tiền vay cho Q.

10. Vào ngày 26/4/2019, Q cho ông Huỳnh Sen vay 5.000.000đ (năm triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng, tương ứng lãi suất 20%/01 tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/01 năm. Đến ngày 26/7/2020 ông Sen trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền vay cho Q, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Sen từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2020 là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Q tiếp tục tính tiền lãi đối với khoản vay 3.000.000đ (ba triệu đồng) cũng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Sen từ tháng 7/2020 đến ngày 24/10/2020 là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi Q nhận của ông Sen là 16.800.000đ (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Sen vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **15.400.000đ** (mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Sen đã trả xong tiền vay cho Q.

11. Vào tháng 6/2019, Q cho ông Quách Văn Quân vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/15 ngày, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính đến ngày 19/7/2019, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính **1.375.000đ** (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông

Quân đã trả xong khoản tiền vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho Q vào ngày 19/7/2019.

Đến tháng 25/9/2019, Q tiếp tục cho ông Quân vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **1.833.333đ** (một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Quân đã trả xong khoản tiền vay này cho Q.

Đến ngày 07/4/2020, Q cho ông Quân vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **1.833.333đ** (một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Quân đã trả xong khoản tiền vay này cho Q.

Đến ngày 16/5/2020, Q cho ông Quân vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 1.000.000đ (một triệu đồng). Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **916.667đ** (chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Quân đã trả xong khoản tiền vay này cho Q.

Đến ngày 01/9/2020, Q cho ông Quân vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày, tương ứng với mức tương đương lãi suất 20%/tháng, tương đương mức lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất số tiền **2.750.000đ** (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Quân đã trả xong tiền vay cho Q.

Đến ngày 07/9/2020, Q cho ông Quân vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày tương ứng với mức lãi suất 20%/ tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/01 năm, tiền lãi Q nhận của ông Quân là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Q cho ông Quân vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **2.750.000đ** (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Quân đã trả xong tiền vay cho Q.

Như vậy từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2020, Q đã cho ông Quách Văn Quân vay 06 lần với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm). Tổng số tiền lãi Q đã nhận của ông Quân là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và

thu lợi bất chính số tiền **11.458.333đ** (mười một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Quân đã trả xong tiền vay cho Q.

12. Vào tháng 6/2019, Q cho ông Lê Đức Duy vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/15 ngày tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm. Tính đến ngày 21/02/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Duy là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Q cho ông Duy vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền **14.666.667đ** (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Duy đã trả xong tiền vay cho Q.

13. Vào tháng 7/2019, Q cho ông Trần Phương Bình vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) lấy tiền lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/15 ngày, tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Bình là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Q cho ông Bình vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm), thu lợi bất chính số tiền **458.333đ** (bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Bình đã trả xong tiền vay cho Q.

Đến tháng 8/2020, Q cho ông Bình vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) lấy tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/15 ngày tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Bình là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng), Q thu tiền phạt do ông Bình đóng lãi trễ hạn 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), tiền lãi Q nhận của ông Bình là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Q cho ông Bình vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **11.950.000đ** (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Bình đã trả xong tiền vay cho Q.

Tổng số tiền lãi và tiền phạt Q nhận của ông Bình là 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính **12.408.333đ** (mười hai triệu bốn trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

14. Vào tháng 8/2019, Q cho ông Huỳnh Nam vay 5.000.000đ (năm triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm. Tổng số tiền lãi Q nhận của ông Nam là 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Q cho ông Nam vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **10.633.333đ** (mười triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Nam còn nợ Q 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền vay ban đầu.

15. Vào tháng 15/9/2019, Q cho ông Hồ Phước Quy vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) thỏa thuận tính lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng tương ứng với mức lãi suất 10%/tháng, tương đương với mức lãi suất 120%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quy là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Như vậy, Q cho ông Quy vay với mức lãi suất gấp 06 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và đã

thu lợi bất chính số tiền 6.666.667đ (sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Đến ngày 30/9/2019, Q cho ông Quy vay 5.000.000đ (năm triệu đồng), thỏa thuận lấy tiền lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng, tương ứng với lãi suất 10%/tháng, tương đương với mức lãi suất 120%/năm, tiền lãi Q nhận của ông Quy là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Q cho ông Quy vay với mức lãi suất gấp 06 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 4.583.333đ (bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đến ngày 30/7/2020, Q cho ông Quy vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) lấy tiền lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng, tương ứng với lãi suất 10%/tháng, tương đương với mức lãi suất 120%/năm, tính đến ngày 24/10/2020, tiền lãi Q nhận của ông Quy là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Q cho ông Quy vay với mức lãi suất gấp 06 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Đến nay ông Quy đã trả xong các khoản vay cho Q.

Như vậy, Tăng Bá Q 03 lần cho ông Hồ Phước Quy vay tổng số tiền là là 15.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 06 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền **13.750.000đ** (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

16. Vào tháng 10/2019, Q cho bà Nguyễn Thị Ngọc An vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận tính tiền lãi là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng)/tháng tương ứng với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm. Tính từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2020, tổng số tiền lãi Q thu của bà An là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Q cho bà An vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **6.600.000đ** (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà An đã trả xong tiền vay cho Q.

17. Vào tháng 10/2019, Q cho ông Hồ Văn Linh vay 3.000.000đ (ba triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận tính tiền lãi là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng)/01 tháng, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2020, tổng tiền lãi Q nhận của ông Linh là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Linh vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Linh đã trả xong khoản vay này cho Q.

Đến ngày 12/01/2020, Q cho ông Linh vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) lấy tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/01 năm, tính đến tháng 06/2020, tổng số tiền lãi Q thu của ông Linh là 10.000.000đ (mười triệu đồng), ông Linh trả cho Q 4.000.000đ (bảy triệu đồng) và tiếp tục đóng tiền lãi cho khoản vay 6.000.000đ, với mức lãi suất 20%/01 tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính từ

tháng 01/2020 đến ngày 24/10/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Linh với số tiền vay gốc 6.000.000 đồng là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Ngoài ra, ông Linh đã đóng tiền phạt chậm lãi cho Q là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng tiền lãi và tiền phạt Q nhận của ông Linh trong khoản vay này là 16.300.000đ (mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Q cho ông Linh vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 15.066.667đ (mười lăm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Linh đã trả xong tiền vay lần này cho Q.

Như vậy, trong tháng 10/2019 đến tháng 01/2020, Tăng Bá Q cho ông Hồ Văn Linh vay tổng số tiền là 13.000.000 đồng, với mức lãi suất 20%/tháng (240%/năm), gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **19.466.667đ** (mười chín triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

18. Vào tháng 01/2020, Q cho bà Phan Thị Mỹ Yến vay số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận tính tiền lãi là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng)/15 ngày, tương ứng với lãi suất 26,67%/tháng, tương đương với mức lãi suất 320,04%/năm. Tính từ tháng 01/2020 đến ngày 24/10/2021, tổng số tiền lãi Q đã nhận của bà Yến là 21.600.000đ (hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng). Q cho bà Yến vay với mức lãi suất gấp 16 của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **20.250.000đ** (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Yến đã trả xong tiền vay cho Q.

19. Vào tháng 01/2020, Q cho ông Võ Cường vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), không kỳ hạn vay, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, tương đương với mức lãi suất 120%/năm. Tính từ tháng 01/2020 đến 24/10/2021, tổng số tiền lãi Q đã nhận của ông Cường là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Q cho ông Cường vay với mức lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **4.166.667đ** (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Cường đã trả xong tiền vay cho Q.

20. Vào tháng 01/2020, Tăng Bá Q cho ông Phạm Văn Q vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm. Tính đến tháng 11/2020, tổng số tiền lãi Tăng Bá Q đã nhận của ông Q là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Tăng Bá Q cho Phạm Văn Q vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **40.333.333đ** (bốn mươi triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Phạm Văn Q đã trả xong tiền vay cho Tăng Bá Q.

21. Vào ngày 06/01/2020, Q cho ông Nguyễn Văn Tin vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/15 ngày, tương ứng với lãi suất 30%/tháng, tương đương với mức lãi suất 360%/năm. Tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày 06/5/2020, tổng số tiền lãi Q nhận

của ông Tin là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và tiền phạt nộp lãi chậm là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng tiền lãi và tiền phạt Q nhận của ông Tin là 29.800.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Tin vay với mức lãi suất gấp 18 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất chính số tiền **28.300.000đ** (hai mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng). Ông Tin đã trả xong tiền vay cho Q.

22. Vào ngày 01/02/2020, Q cho ông Nguyễn Tá Quang vay số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng), vay không kỳ hạn, Q và Quang thỏa thuận tính tiền lãi là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng)/tháng, tương ứng lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm. Tính từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Quang là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Q cho ông Quang vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **12.833.333đ** (mười hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Quang đã trả xong tiền vay cho Q.

23. Vào tháng 02/2020, Q cho ông Lê Đình Đức vay số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), không kỳ hạn vay, với mức lãi suất 20%/01 tháng, tương đương với lãi suất 240%/01 năm. Tính từ tháng 02/2020 đến tháng 11/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Đức là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Q cho ông Đức vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **14.666.667đ** (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Đức đã trả xong tiền vay cho Q.

24. Vào tháng 02/2020, Q cho ông Nguyễn Anh Vũ vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), kỳ hạn 01 tháng, với mức lãi suất 20%/01 tháng, tương đương với lãi suất 240%/01 năm. Số tiền lãi Q nhận của ông Vũ là 1.000.000đ (một triệu đồng). Q cho ông Vũ vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **916.667đ** (chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Vũ đã trả xong tiền vay gốc cho Q.

25. Vào tháng 02/2020, Q cho ông Lê Văn Cường vay số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), không kỳ hạn, với mức lãi suất 20%/tháng, tương đương với lãi suất 240%/năm. Tính từ tháng 02/2020 đến ngày 11/10/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Cường là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Q cho ông Cường vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **5.500.000đ** (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Cường đã trả xong tiền vay cho Q.

26. Vào ngày 27/02/2020, Q cho ông Nguyễn Minh Trung vay 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/7ngày, tương ứng lãi suất 47,62%/tháng, tương đương với lãi suất 571,44%/năm, Trung đã trả tiền lãi cho Q 04 lần với tổng số là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Trung vay với mức lãi suất gấp 28,57 lần của mức lãi suất

quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **771.999đ** (bảy trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Ông Trung còn nợ Q 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền vay ban đầu.

27. Vào ngày 22/4/2020, Q cho ông Nguyễn Hữu Nga vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 04/2020 đến tháng 7/2020, tổng tiền lãi Q nhận của ông Nga là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 22/7/2020 ông Nga vay thêm của Q 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), Q tính tiền lãi đối với khoản vay 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng) cũng với mức lãi suất như trên, tính từ tháng 7/2020 đến ngày 26/10/2020, Q nhận tiền lãi của ông Nga là 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi Q nhận của ông Nga là 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Q cho ông Nga vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **7.883.333đ** (bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Nga đã trả xong tiền vay cho Q.

28. Vào ngày 17/4/2020, Q cho ông Huỳnh Quang vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 04/2020 đến tháng17/10/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Quang là 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Q cho ông Quang vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **7.700.000đ** (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Quang đã trả xong tiền vay cho Q.

29. Vào ngày 21/5/2020, Q cho ông Nguyễn Thanh Vương vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 05/2020 đến tháng 27/7/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Vương là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Q cho ông Vương vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 14.666.667đ (mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Vương đã trả xong tiền vay này cho Q.

Đến ngày 13/8/2020, Q tiếp tục cho ông Vương vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 13/8/2020 đến tháng 28/9/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Vương là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Q cho ông Vương vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Ông Vương đã trả xong tiền vay này cho Q.

Như vậy, trong hai lần Tăng Bá Q cho ông Nguyễn Thanh Vương vay, với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **25.666.667đ** (hai mươi lăm

triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ông Vương đã trả xong tiền vay cho Q.

30. Vào ngày 25/5/2020, Q cho ông Trần Tuấn Hoàng vay số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) không kỳ hạn vay, với lãi suất 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/năm, tính từ tháng 25/5/2020 đến tháng 25/9/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Hoàng là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Hoàng vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **733.333đ** (bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Hoàng đã trả xong tiền vay cho Q.

31. Vào ngày 10/6/2020, Q cho bà Nguyễn Thị Dung vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận tính tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/15 ngày, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/01 năm, tính từ 10/6/2020 đến 25/10/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của bà Dung là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Đối với khoản vay này, Q cho bà Dung vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **16.500.000đ** (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến ngày 20/7/2020, Q tiếp tục cho bà Dung vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), Q và bà Dung thỏa thuận tính tiền lãi là 1.000.000đ (một triệu đồng)/10 ngày, tương ứng với lãi suất 30%/tháng, tương đương 360%/năm. Tính từ ngày 20/7/2020 đến ngày 20/10/2020 tiền lãi Q nhận của bà Dung là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Q cho bà Dung vay với mức lãi suất gấp 18 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **8.500.000đ** (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Đến nay, bà Dung đã trả xong các khoản tiền vay cho Q.

Như vậy, cả hai lần cho bà Dung vay tiền, Q đều tính lãi suất gấp 05 lần trở lên và thu lợi bất chính số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

32.Vào ngày 08/7/2020, Q cho ông Vương Thái Bình vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính từ ngày 08/7/2020, Q 06 lần thu lãi đối với khoản vay của ông Bình với tổng số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Q cho ông Bình vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **11.000.000đ** (mười một triệu đồng). Ông Bình còn nợ Q 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền vay.

33. Vào ngày 10/8/2020, Q cho ông Lương Thanh Ninh vay số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tính từ 10/8/2020 đến 24/10/2020, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Ninh là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Q cho ông Ninh vay với mức lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và đã thu lợi bất chính số tiền **666.667đ** (sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ninh đã trả xong tiền vay cho Q.

34. Vào ngày 11/8/2020, Q cho ông Nguyễn Phước Tiên vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, Q đã thu tiền lãi khoản vay này 2.000.000đ (hai triệu đồng). Đến ngày 06/9/2020, Q tiếp tục cho ông Tiên vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), cũng thỏa thuận mức lãi suất 20%/tháng, Q nhận tiền lãi của ông Tiên tháng đầu là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, trong 02 lần Q cho ông Tiên vay đều thỏa thuận với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **3.116.667đ** (ba triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Tiên đã trả xong nợ vay cho Q.

35. Vào ngày 13/9/2020, Q cho ông Nguyễn Hữu Công vay số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), vay không kỳ hạn, thỏa thuận lấy tiền lãi là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng)/tháng , tương ứng với 20%/tháng, tương đương lãi suất 240%/ năm, tính đến ngày 24/10/2020, số tiền lãi Q nhận của ông Công là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Như vậy, Q cho ông Công vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **550.000đ** (năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Công đã trả xong tiền vay cho Q.

36.Vào ngày 18/9/2020, Q cho ông Phạm Cảnh Anh Tuấn vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), vay không kỳ hạn, với lãi suất 20%/tháng, tương đương với mức lãi suất 240%/năm, tổng số tiền lãi Q nhận của ông Tuấn là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Q cho ông Tuấn vay với mức lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (không quá 20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền **1.833.333đ** (một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Tuấn còn nợ Q 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền vay.

Bị cáo Tăng Bá Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên truy tố hành vi của bị cáo là đúng, thống nhất về tội danh và khung hình phạt.

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSDX ngày 27/9/2021 VKSND huyện Duy Xuyên truy tố bị cáo Tăng Bá Q về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201, Điều 35, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 BLHS xử phạt Tăng Bá Q từ 100 đến 150 triệu đồng.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị tịch thu sung quỹ số tiền 593.800.000đ là khoản tiền cho vay và 46.819.669 đồng là khoản tiền lãi thu đúng quy định theo mức cao nhất BLDS quy định. Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính là 498.680.331 đồng, trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó là 81.800.000đ, còn phải trả 416.880.331đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy một bảng viết màu trắng đã qua sử dụng. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại sam sung Galaxy Note 10+ và điện thoại di động sam sung Galaxy S7 của Tăng Bá Q.

Bị cáo nói lời sau cùng thể hiện sự ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2018 đến tháng 10/2020, mặc dù biết việc cho vay với lãi suất cao hơn mức quy định của Bộ luật dân sự (cao hơn 20%/năm) là vi phạm pháp luật nhưng Tăng Bá Q vẫn sử dụng số tiền của mình là 593.800.000đ cho 36 người khác có nhu cầu vay tiền để vay với mức lãi suất theo thỏa thuận là từ 10% đến 47,62%/tháng tương ứng với mức lãi suất 120% đến 571.44%/năm, cao hơn gấp 6 đến 28 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự quy định.

Với cách thức, khi muốn vay tiền, người vay trực tiếp đến gặp Q tại quán cà phê Q Việt hoặc liên lạc qua số điện thoại 0905.257.621 hoặc số 0392.290.101 của Q, Q và người vay thỏa thuận số tiền, mức lãi suất, thời hạn trả lãi, trả gốc và phạt khi trả lãi chậm, hình thức giao tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khi đến hạn trả lãi thì Q nhắn tin nhắc nhở, người vay sẽ mang tiền lãi đến trả trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản của Tăng Bá Q. Tổng số tiền bị cáo thu lãi đúng quy định là 46.819.669 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), thu lợi bất chính 498.680.331 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm ba mươi mốt đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Tăng Bá Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015 và cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, cụ thể là trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có cho 3 người vay mức lãi suất gấp 5 lần trở lên và thu lợi bất chính trên 30 triệu đồng. Nên bị cáo phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện khắc phục, trả

một phần số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1 điều 51BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần thiết áp dụng Điều 54 BLHS xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền cho vay là 593.800.000đ và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 46.819.669đ là tiền liên quan đến việc phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó, truy thu của bị cáo 567.000.000 tiền vay, truy thu của những người vay nhưng chưa trả cho bị cáo gồm: ông Huỳnh Nam 5 triệu đồng, ông Nguyễn Minh Trung 1,8 triệu đồng, ông Vương Thái Bình 10 triệu đồng, ông Phạm Cảnh Anh Tuấn 10 triệu đồng.

- Đối với khoản tiền lãi thu vượt quá 20%/năm và các khoản thu khác là số tiền thu lợi bất chính là 498.680.331đ thì buộc bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể:

+ Trả cho ông Bùi Q Thịnh số tiền 58.083.334đ. Bị cáo đã trả cho ông Thịnh được 10.000.000đ, còn lại phải trả 48.083.334đ (Bốn mươi triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mười bốn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Phúc số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Học số tiền 29.333.333đ, bị cáo đã trả 5.000.000đ, còn phải trả 24.333.333đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Tá Phương số tiền 14.208.333đ, bị cáo đã trả 14.000.000đ, còn phải trả số tiền 208.333đ (Hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hồng Hiền 275.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

+ Trả cho ông Đinh Quang Nam số tiền 2.683.333đ, bị cáo đã trả 300.000đ, còn phải trả 2.383.333đ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

+ Trả cho bà Đoàn Thị Hòa số tiền 32.450.000đ. Bị cáo đã trả số tiền 4.000.000đ, còn phải trả 28.450.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Viên 29.333.333đ (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Thức số tiền 14.666.667đ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Trả cho ông Huỳnh Sen số tiền 15.400.000đ, bị cáo đã trả 14.000.000đ, còn phải trả 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Quách Văn Quân số tiền 11.458.333đ. (Mười một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Lê Đức Duy số tiền 14.666.667đ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Trả cho ông Trần Phương Bình 12.408.333đ (Mười hai triệu bốn trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Huỳnh Nam số tiền 10.633.333đ(Mười triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Hồ Phước Quy số tiền 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc An số tiền 6.600.000đ, bị cáo đã trả 3.000.000đ, còn phải trả 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng)

+ Trả cho ông Hồ Ngọc Linh số tiền 19.466.667đ. Bị cáo đã trả 5.000.000đ, còn phải trả 14.466.667đ (Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho bà Phan Thị Mỹ Yến 20.250.000đ. (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Võ Cường 4.166.667đ, bị cáo đã trả 4.000.000đ, còn phải trả 166.667đ (Một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Phạm Văn Q số tiền 40.333.333đ (Bốn mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Tin số tiền 28.300.000đ (hai mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Tá Quang số tiền 12.833.333đ (Mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Lê Đình Đức số tiền 14.666.667đ, bị cáo đã trả được 14.000.000 còn phải trả 666.667đ (Sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Anh Vũ số tiền 916.667đ (Chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Lê Văn Cường số tiền 5.500.000đ, bị cáo đã trả cho ông Cường đủ số tiền 5.500.000đ.

+ Trả cho ông Nguyễn Minh Trung số tiền 771.999đ (Bảy trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm chín mươi chín đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hữu Nga số tiền 7.883.333đ, bị cáo đã trả 3.000.000đ, còn phải trả 4.883.333đ (Bốn triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Huỳnh Quang số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Thanh Vương số tiền 25.666.667đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Trần Tuấn Hoàng số tiền 733.333đ (Bảy trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Dung số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Trả cho ông Vương Thái Bình số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

+ Trả cho ông Lương Thanh Ninh số tiền 666.667đ (Sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Phước Tiên số tiền 3.116.666đ (Ba triệu một trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hữu Công số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Phạm Cảnh Anh Tuấn số tiền 1.833.333đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc bảng ghi tên người vay tiền đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại của bị cáo là phương tiện liên lạc trong quá trình cho vay nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Quá trình điều tra, Tăng Bá Q khai, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 24/10/2020, Q cho khoảng 70-80 người vay tiền với mức lãi suất cao nhưng Q khai chỉ nhớ rõ cho 42 người, còn một số người Q không nhớ cụ thể tên họ, địa chỉ. Một số người khác thì xác minh không có mặt tại địa phương, đồng thời cơ quan điều tra đã tách nội dung này khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau nên hội đồng xét xử không xem xét..

[7] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội buộc bị cáo Tăng Bá Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tăng Bá Q phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Căn cứ khoản 2 điều 201; Điều 35, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Tăng Bá Q: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền của Tăng Bá Q gồm: tiền cho vay là 567.000.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là 46.819.669đ (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền vay của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

+ Ông Huỳnh Nam: 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

+ Ông Nguyễn Minh Trung: 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng);

+ Ông Vương Thái Bình 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

+ Ông Phạm Cảnh Anh Tuấn 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Buộc Tăng Bá Q phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền như sau:

+ Trả cho ông Bùi Q Thịnh số 48.083.334đ (Bốn mươi triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Phúc số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Học số tiền 24.333.333đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+Trả cho ông Nguyễn Tá Phương số tiền 208.333đ (Hai trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hồng Hiền 275.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

+ Trả cho ông Đinh Quang Nam số 2.383.333đ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

+ Trả cho bà Đoàn Thị Hòa số tiền 28.450.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Viên 29.333.333đ (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Thức số tiền 14.666.667đ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Trả cho ông Huỳnh Sen 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Quách Văn Quân số tiền 11.458.333đ. (Mười một triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Lê Đức Duy số tiền 14.666.667đ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Trả cho ông Trần Phương Bình 12.408.333đ (Mười hai triệu bốn trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Huỳnh Nam số tiền 10.633.333đ (Mười triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Hồ Phước Quy số tiền 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc An số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng)

+ Trả cho ông Hồ Ngọc Linh số tiền 14.466.667đ (Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho bà Phan Thị Mỹ Yến số tiền 20.250.000đ. (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Võ Cường số tiền 166.667đ (Một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Phạm Văn Q số tiền 40.333.333đ (Bốn mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Văn Tin số tiền 28.300.000đ (hai mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Tá Quang số tiền 12.833.333đ (Mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Lê Đình Đức số tiền 666.667đ (Sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Anh Vũ số tiền 916.667đ (Chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Minh Trung số tiền 771.999đ (Bảy trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm chín mươi chín đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hữu Nga số tiền 4.883.333đ (Bốn triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho ông Huỳnh Quang số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Thanh Vương số tiền 25.666.667đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Trần Tuấn Hoàng số tiền 733.333đ (Bảy trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Dung số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Trả cho ông Vương Thái Bình số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

+ Trả cho ông Lương Thanh Ninh số tiền 666.667đ (Sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Phước Tiên số tiền 3.116.666đ (Ba triệu một trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Trả cho ông Nguyễn Hữu Công số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả cho ông Phạm Cảnh Anh Tuấn số tiền 1.833.333đ (Một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy cái bảng màu trắng đã cũ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy Note 10+ có số IMEI: 351591113659075 và một điện thoại di động Samsung Galaxy S7 Edge có số IMEI: 356160071264461 của Tăng Bá Q.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên quản lý.

Về án phí: Tăng Bá Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- Bị cáo, những người TGTT khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VP công an huyện Duy Xuyên;
- Lưu HS-AV.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám